TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG HƯƠNG ƯỚC CÁC LÀNG XÃ
(HUYỆN LẬP THẠCH - VĨNH PHÚC) THỜI THUỘC PHÁP

KIM NGỌC*
LƯU THỊ PHƯƠNG LOAN**

Đầu thế kỷ XX, để xây dựng bộ máy quản lý mới, thực dân Pháp tiến hành "cải lương hương chính" nhằm can thiệp trực tiếp vào các làng xã người Việt với ý đồ đưa tầng lớp tân học lên cầm quyền thay tầng lớp cựu học trước kia. Chúng tiến hành cải lương đầu tiên ở Nam Kỳ năm 1904, rồi ở Bắc Kỳ 1921 và ở Trung Kỳ 1941. Hương ước làng xã được thực dân Pháp sử dụng làm một công cụ quản lý nông thôn. Sau khi tìm hiểu khá kỹ tình hình nước ta lúc bấy giờ thực dân Pháp đã xây dựng một mẫu hương ước có những tiêu chí chung, căn cứ vào đó mà mỗi địa phương đưa ra những quy định về tổ chức quản lý, phong tục làng xã vào hương ước gửi lên chính quyền cấp trên phê duyệt.

Các hương ước thời thuộc Pháp của Lập Thạch hiện còn lưu giữ trong kho Địa chí của Thư viện tỉnh Vĩnh Phúc gồm 31 hương ước của các thôn làng được lập vào thời gian ở Bắc Kỳ tiến hành 3 đợt "cải lương hương chính" mà chủ yếu là 1921 đến 1941. Đó là hương ước của các thôn làng: Thôn Đại Lữ, thôn Yên Thiết, thôn Lai Châu, làng Liễn Sơn, làng Yên Mỹ, làng Bằng Hoàng, thôn Nhạo Sơn, thôn Phú Thọ, thôn Đức Bác, thôn Quan Tử, làng Xuân Lôi, thôn Hạ Ích, làng Hải Lựu, thôn Dương Chỉ, làng Xuân Đán, thôn Hoàng Trung, thôn Phú Thị, thôn Phú Hậu, thôn Đông Mật, thôn Bình Sơn, thôn Bạch Lưu Hạ, thôn Lập Thạch, làng Tiên Lữ, thôn Tử Du, thôn Bản Lập, thôn Dản Hậu, thôn Bàn Giản, thôn Triệu Xá, thôn Đại Đề, xã Xuân Hoà, thôn Văn Quán.

Các hương ước này đều được viết tay bằng chữ Quốc ngữ, duy nhất chỉ có hương ước của thôn Văn Quán viết cả chữ Hán và chữ Quốc ngữ.

Về bố cục, các hương ước cải lương ở Lập Thạch đều giống nhau ở đoạn mở đầu: Nêu rõ mục đích, chủ ý của việc lập hương ước. Ví dụ đoạn mở đầu Hương ước làng Liễn Sơn, tổng Thượng Đạt viết: "Chủ ý cải lương: Khoán ước các làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần cải lương suy xét hiện tình thời nay so sánh khoan lệ thời trước đều nào hại thời đổi đều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm".

Về nội dung, các hương ước được chia thành hai phần: Phần Chính trị gồm các quy chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy

*, ** Khoa Lịch sử - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.

quản lý làng xã; Phần Tục lệ bao gồm các tập tục riêng của các làng xã.

Trên cơ sở nội dung các hương ước thu thập được, chúng tôi bước đầu tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu được nêu trong hương ước:

1. Bảo vệ an ninh, trật tự làng xã

Làng xã Việt Nam vốn có tính cố kết bền chặt. Một trong những nguyên nhân làm nên đặc điểm đó là do các làng xã đều xây dựng cho mình bộ máy chính quyền có tổ chức chặt chẽ. Công tác tổ chức bảo vệ an ninh, trật tự trong làng xã thể hiện trên các mặt:

Tổ chức canh phòng

Điều 19 trong Hương ước làng Xuân Lôi, tổng Hạ Ích, Lập Thạch ghi rõ mục đích của việc canh phòng là: "canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng". Do đó các quy định về việc canh phòng trong làng xã đặt ra rất nghiêm ngặt. Công việc này gồm có hai việc: *Canh phòng trong làng* và *canh phòng ngoài đồng*.

Về việc *canh phòng trong làng*, hầu hết các hương ước đều giống nhau ở Điều 19 nêu rõ đối tượng canh phòng. Ví dụ: Điều 19, Hương ước làng Yên Mỹ, tổng Hoàng Chỉ nêu: "... hết thảy người làng từ 18 đến 50 đều phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, đang đi học các trường, và người có bệnh tật, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được, thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc nộp cho làng 3 hào một tháng để làng thuê người canh thay cho".

Duy chỉ có Hương ước thôn Quan Tử, xã Sơn Đông nêu cụ thể hơn về việc này ở các điều 14, 15, 16: "... hễ ai đến tuổi 26 thời phải ra làm tuần phiên một năm, tính đủ 12 tháng là hết hạn, đi theo lý lịch tuần phòng trong làng, trừ những người khoa mục, chức sắc, lý dịch, ở học Pháp - Việt, cai phó hương tăng và người đương tòng học thời đều miễn, người nào đến tuổi tuần phiên, mà đi vắng, thời phải nộp cho làng là 10 đồng sung quỹ để thuê, nếu không nộp được số tiền ấy thời dù đi vắng đến tuổi 27, 28 mà về làng, cũng phải đi tuần giả cho làng một năm, còn người nào đến tuổi tuần phiên, mà cố ý đi vắng, cũng phải nộp tiền lệ tuần phiên thời mới được làm, người nào có bằng sở học yếu lược khi đến tuổi tuần phiên muốn nộp tiền, chỉ phải nộp có 8 đồng.

- Số người tuần phiên năm định là 15 người, thưởng mỗi người 3 đồng nếu tuổi 26 có nhiều người đều phải đi tuần phiên cả, nhưng trong số đó, người nào yếu đuối mà muốn nộp tiền thời làng cũng cho nộp.

- Năm nào tuổi 26 không đủ 15 người tuần phiên, thời làng chiểu trong bìa sổ đinh gọi xuống tuổi 25 cho đi đủ số tuần, cùng là một khoá, đến tuổi 26 không phải tuần nữa".

Để canh phòng được cẩn mật, làng yêu cầu tuần tráng, tuần lính phải tự sắm khí giới đồng thời làng cho lập các điếm canh. Việc *canh phòng ngoài đồng* theo hương ước được giao cho trương tuần và ít nhất 15 tuần tháng. Tư cách của những người này theo quy định ở Điều 30, Hương ước thôn Hạ Ích, xã Đồng Ích là: "bản tính thực thà, mạnh bạo có gia sản" để trông coi đồng điền. Nhiệm vụ của trương tuần và tuần tráng bao gồm: Trông coi các đường khuyến nông, việc tháo nước, giữ nước và đặc biệt là việc bảo vệ lúa và hoa màu ngoài đồng.

Kỷ luật trong canh phòng được đề ra nghiêm ngặt dưới các hình thức xử phạt: "Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điếm; ai có phương trở phải mượn người đi canh thay, nếu bỏ không canh thời hai

lần đầu mỗi lần hương hội phạt một hào lần thứ ba sẽ phải giải lên toà án xét" (Điều 23, Hương ước thôn Nhạo Sơn, xã Nhạo Sơn). Tuần phiên tuần đồng phải chịu trách nhiệm về tài sản của dân làng nên làng xã cũng đề ra các hình thức khen thưởng như: "Ai bắt được một đứa trộm trong làng thì thưởng một đồng bạc, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10 đồng" (Điều 25, Hương ước làng Xuân Lôi, tổng Hạ Ích). Còn đối với "Trương tuần làm việc 3 năm nếu được chu toàn làng cho ngôi tộc biểu" (Điều 37, Hương ước làng Bằng Hoàng, tổng Hoàng Chỉ).

Sự phối hợp giữa chính quyền làng xã và nhân dân trong việc tổ chức canh phòng không chỉ tăng cường lực lượng phòng vệ làng xã mà còn tăng cường ý thức phòng vệ trong nhân dân. Trong quá trình đó tính cộng đồng và tinh thần tương trợ lẫn nhau của nhân dân làng xã được phát huy.

Việc trừ gian lậu

Để gìn giữ trật tự xóm làng, chính quyền làng xã rất coi trọng việc: Cấm nấu rượu lậu, mua bán thuốc phiện lậu, hay mở sòng gá bạc... Trong trường hợp vi phạm, sau khi khám xét hương hội sẽ giải can phạm lên quan trừng phạt. Điều quan trọng là hầu hết các hương ước đều nhắc tới: "Những người phạm các điều cấm, dù quan trên chiểu luật chịu tội, nhưng làm mất phong thể làng, hương hội không cho dự đình chung, tế tự trong ba tháng" (Điều 58, Hương ước thôn Đức Bác, xã Đức Bác). Đây là việc kết hợp "phép nước" với "lệ làng" để răn đe việc phạm pháp. Qua đó, chúng ta cũng nhận thấy rằng, mặc dù thực dân Pháp dùng hương ước làm công cụ thống trị, nhưng nhân dân Lập Thạch cũng biết lợi dụng luật pháp của nhà nước thuộc địa để "hợp pháp hoá" lệ làng, để bảo vệ quê hương, thể hiện tính độc lập và ý thức giữ gìn thuần phong mỹ tục của làng xã người Việt.

Về việc kiện cáo

Trong vấn đề này, hương ước đề ra cách giải quyết theo chiều hướng tích cực. Điều 14, 15, Hương ước làng Hải Lựu, xã Hải Lựu ghi:

"- Người trong làng kiện cáo nhau thì trước hết hương hội bàn hoà giải.

- Khi chánh hội tiếp ai trình thì phải lập hội đồng lấy nhẽ chính đáng sự công bằng mà hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải không xong thời phải làm biên bản dẫn cả hai bên lên trình quan xét xử".

Như vậy, "hoà giải" là biện pháp đầu tiên và quan trọng để dàn xếp các mâu thuẫn, xung đột trong làng.

Nhìn chung các hương ước quy định về bảo vệ an ninh, trật tự làng xã có nhiều điểm tích cực: Nêu cao ý thức phòng vệ của toàn dân, đề cao tính cộng đồng không chỉ trong một đơn vị làng xã mà mở rộng ra nhiều làng xã. Đây là những giá trị luật pháp mà ngày nay chúng ta có thể kế thừa và vận dụng trong xây dựng cải tạo xã hội.

2. Bảo vệ và phát triển sản xuất

Quá trình hình thành làng xã người Việt cổ gắn liền với sự phát triển của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Sản xuất nông nghiệp đã đi vào đời sống người Việt như một yếu tố gắn kết các cộng đồng dân cư. Sản xuất nông nghiệp truyền thống với nhiều quy trình diễn ra theo chu kỳ dài, chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên. Do vậy, bảo vệ và phát triển sản xuất được các làng xã rất chú trọng. Hương ước đề cập đến vấn đề này một cách cụ thể và chi tiết.

Trước tiên, trị thuỷ là yêu cầu quan trọng, có tính quyết định đối với sản xuất nông nghiệp. Hương ước làng Liễn Sơn, tổng Thượng Đạt nêu rõ ở Điều 51: "Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch

chứa nước cho tiện việc làm ruộng". Để bảo vệ thuỷ lợi Hương ước cũng quy định 5 điều cấm:

"- Cấm không được vất cỏ lên bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi.

- Cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá khiến cho nước không thông.

- Cấm không được trồng trọt (lúa, khoai...) ở bên trong bờ sông ngòi, vì làm như thế sông ngòi dễ úng tắc.

- Cấm chăn trâu, chăn bò bờ ruộng khi lúa đã tốt.

- Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa". (Điều 52, 53, 54 và 55).

Theo quy định, làng cử người Thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống, đê điều. Thủ lộ phải coi sóc đê điều không để người và súc vật làm hư hại đến đê, phải chữa những nơi hư hỏng...

Bên cạnh vấn đề thuỷ lợi, chế độ công điền ở các làng xã được bảo vệ trên danh nghĩa. Theo Chỉ dụ Gia Long năm thứ hai (1803) và Nghị định của quan Kinh lược Bắc Kỳ ngày 20 tháng 4 năm 1894 và Điều 2 trong Nghị định ngày 8 tháng 3 năm 1906 thì việc mua bán công điền, công thổ bị cấm hẳn. Tuy nhiên tình trạng bán công điền công thổ vẫn diễn ra dưới các hình thức đấu giá kín giữa các chức sắc trong hương hội. Tuy nhiên việc này lại không được ghi cụ thể, chi tiết trong hương ước mà chỉ nêu: "Khi làng có động sản hay bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày" (Điều 57, Hương ước làng Xuân Lôi, tổng Hạ Ích).

Điều mà hương ước các làng xã đặc biệt quan tâm là làm sao bảo vệ lúa mạ và hoa màu ngoài đồng. Theo quy định của các hương ước, tuần phiên phải có nhiệm vụ canh giữ cẩn thận. Bất kỳ ai phạm phải những điều nghiêm cấm trên đều bị làng xử lý, phải nộp phạt từ một hào đến một đồng.

Thực tiễn lúc bấy giờ xác nhận những mặt tích cực của hương ước trong việc bảo vệ và phát triển sản xuất có tác dụng lớn không chỉ trong lĩnh vực sản xuất mà còn củng cố nếp sống truyền thống của người dân, trở thành những tập tục tốt đẹp được lưu giữ đến mai sau.

3. Bảo vệ môi trường

Trong xã hội hiện nay, môi trường đang là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu cấp bách đối với mọi quốc gia, dân tộc. Như nạn ô nhiễm môi trường là một trong những hiểm hoạ đe doạ trực tiếp đến sự sống của con người trên trái đất. Con người từ lâu đã ý thức về sự cần thiết phải giữ gìn những tài nguyên vô giá mà thế hệ trước để lại. Cho nên, môi trường không phải chủ đề mới được nhắc tới gần đây mà từ xa xưa cha ông ta đã có ý thức về nó và được thể hiện trong nội dung các quy định của hương ước.

Qua nhiều hương ước của các làng xã huyện Lập Thạch, Vĩnh Yên lúc bấy giờ, chúng ta nhận thấy tinh thần của hương ước là khuyên: "Người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ" (Điều 40, Hương ước thôn Lai Châu, xã Văn Quán). Như vậy, việc bảo vệ môi trường theo hương ước không phải nghĩa vụ cá nhân mà là nhiệm vụ của toàn dân trong xã. Nó đòi hỏi ý thức tự giác cá nhân và sự hợp tác của cộng đồng. Điều 42, 43, 46, Hương ước thôn Lai Châu, xã Văn Quán nêu:

"- Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm, hội đồng phạt hai hào.

- Các giếng ăn nước, phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng, dân trích tiền công để chi.

- Những đồ dùng của người ốm, hay chết, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm, hội đồng phạt năm hào, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao".

Nhìn chung, mặt tích cực trong hương ước ở Lập Thạch chứng tỏ rằng, người dân đã có ý thức bảo vệ sức khoẻ cho bản thân và cho cộng đồng làng xã.

4. Khuyến khích giáo dục

Giáo dục là vấn đề vốn rất được coi trọng trong xã hội Việt Nam, nhưng dưới chế độ phong kiến, giáo dục nước ta còn nặng về khoa cử để chọn lựa nhân tài. Trong các hương ước cải lương của huyện Lập Thạch nói riêng và Bắc Kỳ nói chung, giáo dục được đề tới là một nền giáo dục bình dân mang ý nghĩa tiến bộ.

Điều 65, 66, 68, Hương ước làng Liễn Sơn, tổng Thượng Đạt ghi:

"- Bổn phận của cha mẹ là phải cho con đi học sơ học. Bởi vậy khi nào trong làng dư tiền thì làm một cái trường học để dạy những trẻ con trong làng.

- Tiền học phí và lương thầy giáo thì sẽ trích ở tiền công làng xã để giả.

- Khi nào trường học lập xong thì phải dự trích ở công quỹ một món tiền để mua giấy bút cho học trò trẻ con nhà nghèo".

Tuy nhiên, độ tuổi đi học của trẻ em thì trong một số hương ước quy định khác nhau. Hương ước làng Hải Lựu, xã Hải Lựu quy định "trẻ con lên 6 tuổi phải cho đi học" trong khi đó ở Điều 67, Hương ước làng Liễn Sơn, tổng Thượng Đạt và Hương ước thôn Nhạo Sơn, xã Nhạo Sơn thì ghi "trẻ con lên 8 tuổi thì phải cho đi học".

Những quy định trên thể hiện tinh thần khuyến học của các làng xã đồng thời nêu rõ nghĩa vụ của dân làng đối với nền giáo dục quê hương. Đây cũng là bài học cho sự phát triển, "xã hội hoá" giáo dục ngày nay.

Trên cơ sở tìm hiểu hương ước ở Lập Thạch, Vĩnh Yên thời kỳ thực dân Pháp thực hiện việc "cải lương hương chính", chúng tôi nhận thấy việc ra đời các hương ước thời kỳ này không thể không bị chi phối bởi chính sách của thực dân Pháp, nhưng nó vẫn bảo tồn những nét đẹp của làng xã truyền thống Việt Nam, tiêu biểu là việc bảo vệ an ninh, trật tự làng xã, bảo vệ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường, khuyến khích giáo dục.

Nội dung, đặc điểm hương ước ở huyện Lập Thạch thời kỳ "cải lương hương chính" của thực dân Pháp đã kế thừa các hương ước cũ. Năm 1464 vua Lê Thánh Tông đã cho xây dựng các hương ước nhằm đưa luật lệ làng xã vào một khuôn khổ thống nhất với luật pháp nhà nước. Đó là sự thống nhất có mâu thuẫn. Vì luật pháp nhà nước được xây dựng trên tư tưởng của giai cấp thống trị là tư tưởng Nho giáo nhằm quản lý, ràng buộc người dân. Trong khi đó luật lệ làng xã được xây dựng dựa vào thuần phong mỹ tục mang tính truyền thống lâu đời của làng xã, nhằm bảo vệ quyền lợi của người dân, giúp đỡ nhau trong cuộc sống cộng đồng ở quê hương. Do đó giữa "phép nước" và "lệ làng" có mối quan hệ giằng co, phức tạp trong xã hội Việt Nam truyền thống. Điều này cũng cho thấy một thực tế chính quyền nào biết khôn khéo điều hoà mối quan hệ giữa "phép nước" và "lệ làng" tức là một mặt nhà nước chấp nhận phần nào nhu cầu tự trị của làng xã mặt khác chuẩn định lệ làng, đưa lệ làng vào khuôn khổ luật nước thì mới thực sự nắm được quyền quản lý nông thôn. Chúng tôi chưa sưu tầm được

các bản hương ước làng xã của tỉnh Vĩnh Yên vào các triều đại Lê, Nguyễn mà chỉ tìm thấy hương ước thời Pháp thuộc nên cũng khó có sự so sánh, đối chiếu. Tuy nhiên, trên cơ sở tập hợp và xem xét hương ước của các địa phương khác như Hà Nam, Hà Tĩnh... chúng tôi rút ra được một số điểm khác biệt cơ bản giữa hương ước cải lương và hương ước cổ.

Các hương ước cổ được biên soạn bởi những người khoa cử, chức sắc, có kinh nghiệm sống được dân làng tín nhiệm cho nên hương ước ra đời là kết quả sự thoả thuận của nhân dân trong khuôn khổ luật pháp theo tinh thần "phép vua thua lệ làng" tức là thể hiện tính độc lập, tính tự trị của làng xã. Do đặc điểm này, nội dung hương ước thời kỳ đó tập trung chủ yếu vào các tục lệ làng xã với các lễ nghi khá tỉ mỉ, phức tạp. Ví như Hương ước xã Mai Xá, huyện Nam Xang, Hà Nam lập năm 1858 có hai nội dung: Điều lệ mừng tiền (trong đó kê 25 điều lệ mừng tiền) và lệ cúng tế gồm 2 phần với những quy định chặt chẽ.

Khác với các hương ước cũ, hương ước thời kỳ "cải lương hương chính" được Chính quyền thực dân Pháp hướng dẫn điều chỉnh và phê duyệt, nhằm lợi dụng hương ước làm công cụ để cụ thể hoá chính sách cai trị tới các làng xã. Do đó trong nội dung hương ước thời kỳ này đều được chia làm hai phần chủ yếu về chính trị và tục lệ. Trong đó phần luật nhiều hơn phần lệ. Tục lệ nêu lên rất giản lược và sơ sài. Điều này lý giải vì sao chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu các nội dung về mặt chính trị. Vậy thái độ của nhân dân ra sao? Tình hình thực thi hương ước sẽ diễn ra theo chiều hướng nào?

Nhìn chung không chỉ riêng ở Lập Thạch mà trên cả nước, nhân dân đều thể hiện sự phản kháng nhất định qua các hương ước của mình. Các hương ước thực thi ở làng xã Lập Thạch có những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Và những gì trong hương ước bảo vệ quyền lợi của nhân dân thì dân theo; Ngược lại những gì ràng buộc thì đều bị phản đối bằng cách viết ngắn, giản lược. Trong thống kê "*Kho hương ước cải lương hương chính ở Bắc Kỳ*", PGS. Cao Văn Biền nhận xét đúng rằng: "Thực tế cho thấy những hương ước có số trang ít (đây là các trang viết tay, lượng từ rất ít) biểu thị ở mức độ nhất định sự đối phó của các làng xã đối với việc bắt buộc lập hương ước của chính quyền thực dân". Số trang trung bình hương ước các làng xã tỉnh Vĩnh Yên là 18 trang.

Qua hương ước chúng ta có thể thấy rằng các hương ước thời kỳ "cải lương hương chính" còn lưu giữ được một số điểm tích cực của hương ước cổ. Đó là tính cộng đồng trong công tác bảo vệ trật tự, an ninh; bảo vệ sản xuất... phục vụ đời sống nhân dân theo quy định chung của thôn làng.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta tập trung xây dựng và phát triển nông thôn mới coi đây là một trong những chiến lược phát triển kinh tế - văn hoá của đất nước. Nghị quyết V của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII nêu rõ: "... khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, các quy chế về nếp sống văn minh ở các thôn xã". Một lần nữa chúng ta thấy rằng những giá trị tích cực trong hương ước làng xã cha ông để lại đang được các thế hệ con cháu gìn giữ và phát huy trong bối cảnh mới.